

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **284/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan – CB hưu trí.

Ông Trần Văn Chánh – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết N – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1518/2021/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuấn Hoài T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Đào Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà T và ông H đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Tuấn Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đào Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X, Bà Rịa – Vũng Tàu; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình

cảm của bà với ông H cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Đào Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà T về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh sau đó, do bất đồng quan điểm sống. Nay ông xét thấy tình cảm của ông với bà T cũng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, cả hai cũng không thể sống chung được với nhau nữa. Do đó, nay bà T xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Tuấn Hoài T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đào Văn H, sinh năm 1985, có địa chỉ cư trú tại Tổ 23, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Đào Văn H cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; Bà Nguyễn Tuấn Hoài T sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà T và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Tuấn Hoài T khai thì bà và ông Đào Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X, Bà Rịa – Vũng Tàu; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Lời trình bày này của bà T cũng được ông H thừa nhận tại bản tự khai của ông H, đồng thời ông H cũng thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T – ông H không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc bà Nguyễn Tuấn

Hoài T xin ly hôn với ông Đào Văn H là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Tuấn Hoài T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuấn Hoài T. Bà Nguyễn Tuấn Hoài T được ly hôn với ông Đào Văn H.

- Về con chung: Bà T và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Tuấn Hoài T phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001779 ngày 24/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Nguyễn Tuấn Hoài T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Tuấn Hoài T và ông Đào Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân

SỞ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

